

Bản án số: 161/2024/HNGĐ - ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn và bà Ngô Thị Ngọc Cúc

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 562/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 544/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thanh X**, sinh năm: 1994. Địa chỉ: **Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**. ĐT: 0798.898.835 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Cao Phú C**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **số C khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**. ĐT: 0949.660.061 (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà **Võ Thị Thanh X** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Võ Thị Thanh X** và ông **Cao Phú C** tự nguyện quen biết tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang** vào ngày 27/8/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **X** yêu cầu ly hôn với ông **C**.

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Cao Thiên M, sinh ngày 05/9/2019 và Cao Thiện T, sinh ngày 12/7/2023. Sau khi ly hôn, bà X yêu cầu giao cháu Thiên M cho ông C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà X không cấp dưỡng nuôi cháu Thiên M; đồng thời, bà X yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiện T và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu Thiện T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao Phú C tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh X có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày; bị đơn ông Cao Phú C được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Cao Thiên M, sinh ngày 05/9/2019 và Cao Thiện T, sinh ngày 12/7/2023. Sau khi ly hôn, bà X yêu cầu giao cháu Thiên M cho ông C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà X không cấp dưỡng nuôi cháu Thiên M; đồng thời, bà X yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiện T và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu Thiện T mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành. Để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề nghị chấp nhận ý kiến trình bày của bà X theo các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng: ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thiện T mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến trưởng thành là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Võ Thị Thanh X** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Cao Phú C**. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà **Võ Thị Thanh X** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Cao Phú C** mặc dù đã ký nhận trực tiếp, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng ông **C** không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập, điều này cho thấy ông **C** đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **X** và ông **C** xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà **X** cương quyết yêu cầu ly hôn, ông **C** cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà **X**.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà **X** xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông **C**, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **X** là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 (hai) con chung tên **Cao Thiên M**, sinh ngày 05/9/2019 và **Cao Thiên T**, sinh ngày 12/7/2023. Sau khi ly hôn, bà **X** yêu cầu giao cháu **Cao Thiên M** cho ông **C** trực tiếp nuôi dưỡng, còn bà **X** yêu cầu nuôi cháu **Cao Thiên M**.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu **Cao Thiên T**, sinh ngày 12/7/2023 là con chung dưới 36 tháng tuổi nên giao cho bà **X** nuôi dưỡng, còn cháu **Thiên M** hiện đang sống ổn định cùng với ông **C** nên giao cho ông **C** trực tiếp chăm sóc là hợp lý theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con chưa thành niên. Tuy nhiên, do bà **X** chỉ yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi cháu **Thiện T** mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của ông **C** phản đối đối với yêu cầu của bà **X**.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà **Võ Thị Thanh X**, buộc ông **Cao Phú C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Cao Thiện T**, sinh ngày 12/7/2023 mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Cao Thiện T** đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà **X** trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **X** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông **C** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Thanh X** đối với ông **Cao Phú C**.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Võ Thị Thanh X** đối với ông **Cao Phú C**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân phường **M**, thành phố **L**, tỉnh **An Giang** cấp cho bà **Võ Thị Thanh X** và ông **Cao Phú C** ngày 27/8/2020 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung tên **Cao Thiên M**, sinh ngày 05/9/2019 cho ông **Cao Phú C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Giao con chung tên **Cao Thiện T**, sinh ngày 12/7/2023 cho bà **Võ Thị Thanh X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi

trưởng thành.

Ông **Cao Phú C** và bà **Võ Thị Thanh X** không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông bà thực hiện quyền này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông **Cao Phú C** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **Cao Thiện T**, sinh ngày 12/7/2023 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Thiện T** đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Bà **Võ Thị Thanh X** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **Cao Thiện M** do ông **Cao Phú C** không có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: ghi nhận bà **Võ Thị Thanh X** xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà **Võ Thị Thanh X** và ông **Cao Phú C** vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Võ Thị Thanh X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002348 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà **X** đã nộp xong.

Ông **Cao Phú C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung